TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về Ly hôn, nuôi con chung" thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị Tuyết P, địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Nguyễn Ngọc H, địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trương Thị Tuyết P trình bày:

Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 18 tháng 01 năm 2018. Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Quốc T sinh ngày 06/7/2018. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu

thuẫn gây mất hạnh phúc gia đình, nguyên nhân là do bà P sống chung bên chồng nhưng mẹ chồng và gia đình bên chồng không tin tưởng, nên bà P đã trở về ở với cha mẹ ruột từ tháng 12/2018 đến nay; trong thời gian vợ chồng ly thân không còn sống chung, cháu T được bà P dắt theo ở được khoảng hơn 01 tháng thì ông H đến dắt trở về ở với ông H đến nay. Nay bà P xin ly hôn ông H; về con chung, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu ông H cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông H thừa nhận phần trình bày của bà P về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; ông H xác nhận vợ chồng đang sống ly thân nhau khoảng 05-06 tháng nay. Theo ông H nguyên nhân ly thân là do vợ ông (bà P) tự ý bỏ về quê cha mẹ ruột để ở chứ ông H không có xua đuổi; còn việc vợ chồng có mâu thuẫn, cự cãi trong cuộc sống hàng ngày thì không phải là lớn, vẫn có thể khắc phục được. Vì vẫn còn thương vợ con nên ông H muốn hàn gắn, đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con khôn lớn. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà P thì ông H không đồng ý, không muốn ly hôn. Tuy nhiên nếu bà P vẫn kiên quyết ly hôn thì ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu T đến trưởng thành, không yêu cầu bà P cấp dưỡng; còn về tài sản chung và nợ thì ông H xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu T cho ông H trực tiếp nuôi và ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà P nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, không tin tưởng nhau, thường xuyên gây gỗ, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà P yêu cầu ly hôn ông H. Về phía ông H, ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng mà phía bà P đề cập là không lớn, còn có thể khắc phục được, ông muốn hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy yêu cầu hàn gắn, đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con đến trưởng thành của ông H là ông có thiện ý tốt, và Tòa án cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, bằng việc tiến hành nhiều phiên hòa giải, dành thời gian hợp lý để ông H, bà P có cơ hội hàn gắn; bên cạnh, Tòa án xác minh trực tiếp gặp người thân

là mẹ của ông H thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa mẹ ông H với bà P không tin tưởng nhau trong lời nói và cách cư xử qua lại với nhau trước đây, dẫn đến hiểu nhầm, nên bà P mới xin ly hôn ông H, hiện nay hai bên gia đình không có tiếng nói chung mặc dù phía gia đình ông H vẫn còn có mong muốn bà P trở về với ông H để hàn gắn, đoàn tụ gia đình, nhưng bà P tỏ ra không quan tâm và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà P kiên quyết ly hôn, không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông H nữa, do đó mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2] Về con chung: Bà P và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc T sinh ngày 06/7/2018. Theo các bên trình bày thì từ khi bắt đầu sống ly thân (ngày 18/12/2018), bà P trở về quê cha mẹ ruột để ở có dắt theo cháu T cùng về ở được hơn 01 tháng thì ông H đến dắt trở về ở với ông H đến nay. Cả bà P và ông H đều có yêu cầu giành quyền trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, tính đến thời điểm hiện tại thì cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật thì con dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy việc ông H và bà P đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành; thì nhận thấy rằng, yêu cầu của ông H hay của bà P đều có chung một mục đích, đó là đều muốn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T nên người, trở thành người có ích cho xã hội, nên việc giao cháu T cho ông H hay bà P nuôi dưỡng về tình đều hợp lý, vì cả ông H và bà P chưa có bên nào vi phạm nghĩa vụ nuôi con đối với cháu T. Tuy nhiên, từ khi cháu T sinh ra thì sống chung với cha mẹ ở tại nhà ông H, khi cha mẹ sống ly thân từ cuối năm 2018, cháu T chỉ được ở với bà P trong thời gian ngắn thì trở về sống với ông H cho đến nay, được ông H trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ tốt và đảm bảo sức khỏe phát triển bình thường, thể hiện qua Giấy khám sức khỏe ngày 27/5/2019 của Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ xác nhận mà ông H đã cung cấp cho Tòa án, và bà P cũng xác nhận điều này tại phiên tòa; nếu như giao cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ làm thay đổi cũng như xáo trộn môi trường mà cháu đã sống ổn định và đang phát triển tốt từ trước đến nay; mặt khác, bà P cho biết hiện nay bà đi làm công nhân ở Công ty tư nhân tuy thu nhập cũng khá ổn định nhưng ít thường xuyên ở nhà, nếu giao cháu T cho bà P để trực tiếp nuôi thì bà P không thể dành thời gian trọn vẹn để chăm sóc cháu, mà phải nhờ sự giúp đỡ của người thân trong gia đình; về điều kiện kinh tế của ông H thì cũng tương đối ổn định, đủ điều kiện để ông H nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành, ông H cũng không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Từ phân tích trên, thấy rằng cần phải giao cháu T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Thị Tuyết P được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Quốc T sinh ngày 06/7/2018 cho ông Nguyễn Ngọc H để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông H tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà P, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Tuyết P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006502, ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu